TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2023
V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi
Các hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung
Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
Tạm trú: Ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2011, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ông T hay rượu chè, cờ bạc không chịu làm ăn để kiếm tiền lo cho vợ con và cũng không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng bà đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin

ly hôn với ông Thạch T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Thạch Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Thạch Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08/7/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con (Hiện cháu 02 con chung đang sống cùng bà D).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà D không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Thạch T được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà D và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn và đã ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn được nên việc bà D yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung là cháu Thạch Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Thạch Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/7/2015 (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng bà D). Bà D yêu cầu được nuôi con chung, ông T không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và 02 con con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu 02 con chung cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với vấn đề cấp dưỡng bà D không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Thạch T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T, hiện đang cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Thạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên

đơn bà D và bị đơn là ông T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Thạch T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng bà D và ông T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng. Hơn nữa, bà D và ông T đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Quá trình giải quyết việc bà D xin ly hôn, ông T biết việc bà D xin ly hôn, nhưng ông T không quan tâm và bỏ mặc để bà D tự giải quyết. Thể hiện ông T cũng không còn quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà D và cho bà D được ly hôn ông T là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung là cháu Thạch Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Thạch Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08/7/2015. Khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng bà D). Ông T không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và 02 con chung có nguyện vọn sống với mẹ nên có cơ sở giao cháu Anh T và Anh T1 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] *Về án phí*: Bà D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Thạch T.

2/. Về con chung: Giao cháu Thạch Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Thạch Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08/7/2015 (hiện nay 02 con chung đang sống cùng bà D) cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Thạch T có quyền, nghĩa

vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng. Bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008255 ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Yến Nhi